TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/DS-PT
Ngày 17 - 3 - 2020
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Xuân Long

Các thẩm phán: Ông Đoàn Ngọc Thiện

Ông Trương Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 152/2019/TLPT-DS ngày 13 tháng 12 năm 2019, về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 39/2019/DS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐ-PT ngày 31/01/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2020/QĐ-PT ngày 26/02/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Văn K, sinh năm 1942 (có mặt);

Địa chỉ: Số X, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của ông K: Ông Lưu Quang N, sinh năm 1978; trú tại: Số X, đường N, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; là đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 20/12/2017 (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Bùi Văn V, sinh năm 1956 (có mặt);

Địa chỉ: Số X, đường P, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

- Ông Lê Văn N - Luật sư, cộng tác viên trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

- Ông Đặng Văn Q - Luật sư thuộc Công ty TNHH Luật V (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Văn H, sinh năm 1975 (có mặt) và bà Bùi Thị H, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số X, đường V, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Văn H: Ông Đặng Văn Q - Luật sư thuộc Công ty TNHH Luật V (có mặt).

- Ông Bùi Quý B, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số X, đường C, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Bà Mai Thị C, sinh năm 1925 (vắng mặt); bà Trần Thị T, sinh năm 1960 (vắng mặt); ông Bùi Tuấn D, sinh năm 1989 (vắng mặt); ông Bùi Công D, sinh năm 1991 (vắng mặt); bà Trần Thị T, sinh năm 1990 (vắng mặt) và ông Bùi Tuấn C (vắng mặt).

Địa chỉ: Số X, đường P, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Ông Lê Hữu H1, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: Số X, đường N, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Hữu H1: Ông Đặng Văn Q - Luật sư thuộc Công ty TNHH Luật V (có mặt).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn là ông Bùi Văn K, sinh năm 1942 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2017 và các lần làm việc tại Tòa án, nguyên đơn - ông Bùi Văn K và người đại diện hợp pháp của ông K trình bày:

Vào khoảng năm 1962, gia đình ông Bùi Văn K có khai khẩn được một khu đất tổng diện tích 14.000 m^2. Một trong số đó có các thửa 67, 68, 69, 81, 88, 254 tờ bản đồ 22 phường L, thành phố Bà Rịa. Năm 1974, gia đình ông K được cơ quan quản lý đất đai chế độ cũ xác nhận và cấp bản lược đồ vị trí phần đất đối với diện tích đất này.

Gia đình ông K sử dụng đất sản xuất nông nghiệp liên tục từ khi khai khẩn; đến năm 1980 do đất đai khô cằn nên gia đình ông K không canh tác mà cho trường Quân chính quân khu 7 mượn làm bãi tập cho bộ đội. Sau đó Sư đoàn 310 thuộc Quân khu 7 về tiếp quản doanh trại của trường quân chính và vẫn tiếp tục sử dụng phần đất này của gia đình ông K làm bãi tập.

Sau khi sư đoàn 310 giải thể, ông Bùi Văn V là quân nhân của sư đoàn ngang nhiên ra rào và lấn chiếm phần đất có diện tích 559,6 m^2 thuộc thửa 81 tờ bản đồ 22 phường L của gia đình ông K để sử dụng cho đến nay. Khi ông V lấn chiếm, ông K đã báo với chính quyền địa phương để ngăn chặn nhưng khi địa phương mời làm việc thì ông V cố tình vắng mặt. Sau khi ông K khởi kiện ra Tòa, qua đo đạc, vị trí ông K tranh chấp không những chỉ có thửa 81 mà còn có thửa 254 diện tích 54 m^2 nằm trong thửa 81. Ông V không đồng ý hòa giải với ông K. Vì vậy ông K yêu cầu

Tòa án giải quyết buộc ông V trả lại cho ông diện tích đất đo đạc thực tế 591,1 m^2 có tọa độ (1,2,3,4,5,6,1) theo sơ đồ vị trí thửa đất của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Bà Rịa lập ngày 20/7/2018, cụ thể: diện tích 537,1 m^2 thửa 81 và 54 m^2 đất thửa 254 tờ bản đồ 22 tọa lạc tại phường L, thành phố Bà Rịa. Đồng thời công nhận diện tích đất này là thuộc quyền sử dụng của ông K.

Tại bản tự khai ngày 14/3/2018 và các lần làm việc tại Tòa án, bị đơn – ông Bùi Văn V và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông V trình bày:

Diện tích đất ông K đang tranh chấp tranh chấp đo đạc thực tế 591,1 m^2 có tọa độ (1,2,3,4,5,6,1) theo sơ đồ vị trí thửa đất của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Bà Rịa lập ngày 20/7/2018 có nguồn gốc như sau:

Năm 1988, ông V là cán bộ sư đoàn 310 thuộc Quân khu 7, đơn vị tiếp nhận khu vực doanh trại của trường Quân chính và trường hạ sỹ quan Quân khu 7. Vì đời sống khó khăn, tiền mất giá, lạm phát, đơn vị cho phép ông canh tác đất trong khu vực quản lý để cải thiện đời sống. Ông V cùng vợ là Trần Thị T ra đất thao trường làm nhà lá, đào ao nuôi cá, trồng bạch đàn, nuôi heo. Năm 1990, ông được đơn vị cấp giấy phân phối đất ở. Từ năm 1994 đến năm 2001, ông đóng thuế đất đầy đủ, được Ủy ban nhân dân phường L xác nhận đất ở ổn định, không tranh chấp.

Năm 2002, ông V xây dựng nhà ở kiên cố và sinh sống cùng gia đình ổn định đến nay. Hiện tại vợ chồng ông V sử dụng đất cùng mẹ là Mai Thị C, con Bùi Tuấn D, Bùi Công D, con dâu Trần Thị T, cháu Bùi Tuấn C. Trong quá trình ông V sử dụng đất, gia đình của ông K đều ở gần và không phản đối.

Trong tổng diện tích đất đang tranh chấp ở trên, ông V đã chuyển nhượng cho ông Lê Hữu H1 105 m^2 và ông Bùi Quý B 105 m^2; số đất còn lại gia đình ông đang sử dụng làm nhà ở và xây tường rào bao quanh. Ông Lê Hữu H1 chưa xây dựng gì, còn ông Bùi Quý B chuyển nhượng lại đất cho ông Lê Văn H và ông H xây dựng nhà.

Nay ông K khởi kiện đòi lại đất, ông V xác định đất gia đình ông sử dụng có nguồn gốc từ đất quốc phòng; ông K không có giấy tờ hợp pháp của chế độ cũ hoặc giấy tờ giao đất của nhà nước nên ông không đồng ý giao trả đất theo yêu cầu của ông K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Lê Văn H, bà Bùi Thị Htrình bày:

Năm 2003, ông H có nhận chuyển nhượng của ông Bùi Quý B diện tích đất 105m^2 (rộng 5m, dài 21m) tứ cận: phía đông giáp đất ông H, phía tây giáp mặt đường đất, phía nam giáp nhà ông V, phía bắc giáp đất ông Lê Hữu H1. Khi nhận chuyển nhượng đất không có giấy tờ chỉ có giấy phân phối đất xây dựng nhà ở của Quân khu 7 cấp cho ông Bùi Văn V. Năm 2018, ông H có xây dựng trên đất một nhà tạm để làm nghề cơ khí. Ông H biết việc kiện giữa ông K và ông V. Do vậy ông H không có yêu cầu gì đối với phần xây dựng của ông H trên đất tranh chấp. Ông H, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ chuyển nhượng đất giữa ông H và ông V, trường hợp sau này nếu phát sinh tranh chấp thì khởi kiện vụ án khác; đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Lê Hữu H1 trình bày:

Năm 2002, ông H1có nhận chuyển nhượng của ông Bùi Văn V diện tích 105m^2 trong số diện tích đất ông V đang sử dụng. Đất có tứ cận: Đông giáp đất của dân, tây giáp đường Võ Duy Ninh, nam giáp đất ông Bùi Quý B, bắc giáp đường hẽm. Khi chuyển nhượng trên đất có nhà tạm của ông V và một số cây trồng. Năm 2004, ông H1 xin phép xây dựng nhà nhưng không được chấp nhận vì đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng. Ông xin cấp giấy thì chưa được cấp vì đất quân đội chưa bàn giao. Năm 2018 ông H1 tiếp tục xin cấp giấy tờ đất thì có thông báo là đất đang tranh chấp. Trên đất hiện còn 01 cây xà cừ, ngoài ra ông H1 chưa xây dựng gì. Ông H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ chuyển nhượng đất giữa ông Hùng và ông V, trường hợp sau này nếu phát sinh tranh chấp thì khởi kiện vụ án khác; đồng thời đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông K.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 39/2019/DS-ST ngày 24/10/2019 Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa đã áp dụng Điều 166 Luật đất đai, Điều 164 Bộ luật dân sự, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn K về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" với ông Bùi Văn V đối với diện tích đất 537,1 m^2 thửa 81 và 54 m^2 thửa 254 tờ bản đồ 22 phường L, thành phố Bà Rịa. Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, ông Bùi Văn K làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và chưa đánh giá tài liệu chứng cứ khách quan, toàn diện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Bùi Văn K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cho đương sự - ông Đặng Văn Q đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của ông Bùi Văn K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung kháng cáo: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Phần đất đang tranh chấp có diện tích đất 537,1 m^2 thửa 81 và 54 m^2 thửa 254 tờ bản đồ 22 phường Long T, thành phố Bà Rịa hiện nay do UBND thành phố Bà Rịa – Vũng Tàu quản lý. Bản lược đồ năm 1974 là do ông R tự vẽ xin khẩn đất, không được cơ quan nhà nước (chế độ cũ) xác nhận nên không có giá trị về mặt pháp lý. Toàn bộ phần diện tích đất này gia đình ông K không trực tiếp canh tác và sử dụng từ năm 1975 đến nay. Gia đình ông K không tiến hành đăng ký kê khai sử dụng đất tranh chấp, không trực tiếp sử dụng đất. Căn cứ vào Điều 100, Điều 101 Luật đất đai 2013 thì không có cơ sở để công nhận cho ông Bùi Văn K được quyền sử dụng hợp pháp phần diện tích đất đang tranh chấp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét

xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Bùi Văn K; áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Bùi Văn K đảm bảo đúng thủ tục, nội dung và nộp trong thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên hợp lệ. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Xét sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Các đương sự gồm các ông (bà): Bùi Thị H, Mai Thị C, Trần Thị T, Bùi Tuấn D, Trần Thị T, Bùi Tuấn C vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Lưu Quang N, ông Bùi Quý B, ông Lê Văn N đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt lần thứ hai; căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Văn K thì thấy:

[2.1] Ông K cho rằng sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử thì mới triệu tập ông Lê Hữu H1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng cấp sơ thẩm không mở phiên hòa giải và tiếp cận công khai tài liệu chứng cứ lại là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H1 thì thấy: Ngày 28/3/2019, Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-DS; ngày 26/9/2019 Hội đồng xét xử ban hành quyết định tạm ngừng phiên tòa để triệu tập thêm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Hữu H1 (người nhận chuyển nhượng đất của ông Bùi Văn V). Ngày 02/10/2019, ông H1 đã có ý kiến về việc không yêu cầu Tòa án xem xét quan hệ chuyển nhượng giữa ông H1 và ông V, không yêu cầu giải quyết vấn đề gì, không yêu cầu Tòa án hòa giải. Tại cấp phúc thẩm, ông H1 cũng không khiếu nại, tố cáo về việc cấp sơ thẩm không mở phiên hòa giải và tiếp cận công khai tài liệu chứng cứ. Do đó, ông K cho rằng cấp sơ thẩm đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H1 là không có căn cứ.

[2.2] Xét việc ông K yêu cầu triệu tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Quân khu 7 thì thấy: Tại văn bản số 1878/CHC-DT ngày 27/8/2019, Cục Hậu cần Quân khu 7 đã cung cấp thông tin xác nhận (kèm theo chứng cứ) có nội dung: "Khu đất Vạn Kiếp thành phố Bà Rịa do Trường Quân chính Quân khu 7 quản lý từ sau giải phóng 30/4/1975 (đất quân sự của chế độ cũ); không có hồ sơ mượn đất của gia đình ông Bùi Văn K làm bãi tập. Trong quá trình sử dụng đã bị một số hộ nguyên là cán bộ đơn vị bao chiếm, sử dụng để cải thiện đời sống. Hộ gia đình ông Bùi Văn V không có quyết định phân phối đất làm nhà ở trên phần diện tích đất làm thao trường bãi tập. Từ ngày 04/10/2010, toàn bộ khu đất này đã được bàn giao cho UBND thị xã Bà Rịa quản lý". Như vậy, Quân khu 7 không có quyền và nghĩa vụ gì

liên quan đến diện tích đất tranh chấp giữa ông K và ông V. Do đó, việc ông K yêu cầu triệu tập Quân khu 7 tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ, cấp sơ thẩm không triệu tập Quân khu 7 tham gia vụ án là phù hợp.

[2.3] Xét ý kiến của ông K cho rằng cấp sơ thẩm đã không triệu tập những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Văn R là đã bỏ sót người tham gia tố tụng trong vụ án thì thấy: Ông Bùi Văn R chết, khi chết không để lại di chúc; quyền sử dụng đất đang tranh chấp chưa được cơ quan nhà nước công nhận cho ông R được sử dụng hợp pháp. Trường hợp Tòa án có cơ sở xác định quyền sử dụng đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông R, để từ đó buộc bị đơn phải giao trả lại cho ông K quản lý, thì nếu có tranh chấp các con của ông Rụ vẫn được quyền khởi kiện ông K bằng vụ án chia di sản thừa kế. Do đó, ông K kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm đã bỏ sót người tham gia tố tụng trong vụ án là không có căn cứ.

[2.4] Xét chứng cứ do ông Bùi Văn K cung cấp để chứng minh đất tranh chấp có diện tích đất 537,1 m^2 thửa 81 và 54 m^2 thửa 254 tờ bản đồ 22 phường L, thành phố Bà Rịa (Gọi tắt là đất tranh chấp) có nguồn gốc là của ông Bùi Văn R, để từ đó buộc ông V giao lại cho ông K quản lý, sử dụng thì thấy:

Xét chứng cứ ông K cung cấp là Lược đồ vị trí phần đất tọa lạc tại L do ông Bùi Văn R xin khẩn ngày 10/4/1974 (gọi tắt là Bản Lược đồ) thì thấy: Bản Lược đồ này chỉ là bản vẽ vị trí thửa đất do ông R xin khẩn, không được chính quyền cấp có thẩm quyền ký xác nhận. Do đó, Hội đồng xét xử xác định Bản Lược đồ không có giá trị về mặt pháp lý và không có cơ sở để xác định phần diện tích đất thể hiện trong Lược đồ là do ông R khai phá và sử dụng từ năm 1974. Mặt khác, ông K cho rằng việc ông R sử dụng đất xin khẩn đã được cơ quan quản lý đất đai chế độ cũ xác nhận, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh, nên không có cơ sở để xem xét.

Xét ý kiến của ông K cho rằng phần diện tích đất tranh chấp nằm trong phần diện tích đất mà gia đình ông R cho Quân khu 7 mượn làm bãi tập từ năm 1980 thì thấy: Ông K không cung cấp được tài liệu chứng cứ về việc phần diện tích đất đang tranh chấp đã được gia đình ông R cho Quân khu 7 mượn. Tại văn bản số 1878/CHC-DT ngày 27/8/2019, Cục Hậu cần Quân khu 7 đã xác nhận có nội dung: "Khu đất Vạn Kiếp thành phố Bà Rịa do Trường Quân chính Quân khu 7 quản lý từ sau giải phóng 30/4/1975 (đất quân sự của chế độ cũ); không có hồ sơ mượn đất của gia đình ông Bùi Văn K làm bãi tập". Do đó, không có căn cứ để khẳng định phần diện tích đất đang tranh chấp (do gia đình ông V đang sử dụng) là có nguồn gốc từ gia đình ông R cho Quân khu 7 mượn làm bãi tập.

Ngoài ra, tại Tờ di chúc tự nguyện lập ngày 18/3/1996 (do mẹ của ông K - bà Nguyễn Thị A lập) được ông K cung cấp cũng không có thể hiện di sản để lại bao gồm quyền sử dụng đất đang tranh chấp trên.

[2.5] Về nguồn gốc đất và xét người sử dụng thực tế trên phần đất đang tranh chấp có diện tích 537,1 m^2 thửa 81 và 54 m^2 đất thửa 254 tờ bản đồ 22 tọa lạc tại phường L, thành phố Bà Rịa thì thấy:

Tại văn bản số 1878/CHC-DT ngày 27/8/2019, Cục Hậu cần Quân khu 7 đã xác nhận có nội dung: "Khu đất Vạn Kiếp thành phố Bà Rịa do Trường Quân chính Quân khu 7 quản lý từ sau giải phóng 30/4/1975 (đất quân sự của chế độ cũ). Trong quá trình sử dụng đã bị một số hộ nguyên là cán bộ đơn vị bao chiếm, sử dụng để cải thiện đời sống trong đó có hộ ông Bùi Văn V. Từ ngày 04/10/2010, toàn bộ khu đất này đã được bàn giao cho UBND thị xã Bà Rịa quản lý".

Theo Công văn số 3439/UBND-Vp ngày 20/5/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Bà Rịa thì thửa đất 81 và 254 tờ bản đồ 22 phường L nằm trong ranh giới khu đất mà Sư đoàn bộ binh 302 - Quân khu 7 bàn giao cho Ủy ban nhân dân thành phố Bà Rịa quản lý từ ngày 04/10/2010.

Tại Biên bản xác minh quá trình sử dụng đất tranh chấp tại UBND phường Long Toàn ngày 08/4/2019 thì: Tại sổ mục kê năm 1998, phần đất đang tranh chấp do ông Bùi Văn V đăng ký kê khai, thuộc đất Quốc phòng, do Quân khu 7 giao UBND thành phố Bà Rịa quản lý.

Tại Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 31/3/2009 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã thu hồi toàn bộ diện tích đất quốc phòng – do Quân khu 7 đang quản lý (trong đó có phần diện tích đất tranh chấp) để bàn giao cho UBND thị xã Bà Rịa quản lý, sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế xã hội.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trên và sự xác nhận của các đương sự thì có đủ cơ sở để xác định: Từ năm 1975, Quân khu 7 đã quản lý sử dụng đất tranh chấp để làm bãi tập quân sự. Từ năm 1988, gia đình ông Bùi Văn V là người trực tiếp sử dụng diện tích đất tranh chấp. Trong suốt quá trình sử dụng đất gia đình ông V đã tiến hành nộp thuế nhà đất hàng năm từ năm 1994 đến năm 2010 (Từ năm 2010 không đóng nữa do Nhà nước không còn thu) và đã đăng ký kê khai thể hiện trên sổ mục kê năm 1998 lưu giữ tại UBND phường Long Toàn. Năm 2009, toàn bộ diện tích đất này hiện do UBND thành phố Bà Rịa quản lý, sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế xã hội.

Căn cứ vào Biên bản định giá ngày 10/4/2018 và sơ đồ vị trí ngày 20/7/2018 thể hiện: Trên diện tích đất tranh chấp có một phần đã được gia đình ông V xây dựng nhà ở kiên cố và xây tường gạch bao quanh, một phần thì ông Lê Văn H xây dựng bờ tường và đã xây dựng trên đất tiếp giáp nhà ông V một căn nhà tạm để làm nghề cơ khí.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguồn gốc đất đang tranh chấp có diện tích 537,1 m^2 thửa 81 và 54 m^2 đất thửa 254 tờ bản đồ 22 tọa lạc tại phường L, thành phố Bà Rịa (Theo sơ đồ vị trí do Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bà Rịa lập ngày 20/7/2018) hiện nay do UBND thành phố Bà Rịa quản lý, không phải đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông Bùi Văn K. Toàn bộ phần diện tích đất này gia đình ông K không trực tiếp canh tác và sử dụng từ năm 1975 đến nay. Gia đình ông K không tiến hành đăng ký kê khai sử dụng đất tranh chấp, không trực tiếp sử dụng đất. Căn cứ vào Điều 100, Điều 101 Luật đất đai 2013; Điều 18, Điều 91 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì không có cơ sở để công nhận cho ông Bùi Văn K được quyền sử dụng hợp pháp phần diện tích đất đang tranh chấp. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp yêu cầu

khởi kiện của ông Bùi Văn K là hoàn toàn có căn cứ; Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Gia đình ông Bùi Văn V là người trực tiếp sử dụng đất đang tranh chấp liên tục, ổn định từ năm 1988 đến nay, tuy nhiên diện tích đất đang do UBND thành phố Bà Rịa quản lý nên thẩm quyền để xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông V và cho người nhận chuyển nhượng đất từ gia đình ông V sẽ được UBND thành phố Bà Rịa và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

[3] Về chi phí tố tụng: Ông K đã nộp xong.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí sơ thẩm: Cấp sơ thẩm xét miễn án phí cho ông Bùi Văn K là hoàn toàn phù hợp.

[4.2] Án phí phúc thẩm: Miễn án phí cho ông Bùi Văn K.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Văn K. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 39/2019/DS-ST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Áp dụng: Điều 100, Điều 101, Điều 203 Luật đất đai; Điều 18, Điều 91 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Văn K về việc về việc "tranh chấp quyền sử dụng đất" với bị đơn ông Bùi Văn V đối với diện tích đất 537,1 m^2 thửa 81 và 54 m^2 thửa 254 tờ bản đồ 22 phường Long Toàn, thành phố Bà Rịa (Vị trí, tứ cận, tọa độ đất tranh chấp theo sơ đồ vị trí do Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bà Rịa lập ngày 20/7/2018).

2. Chi phí tố tụng: Ông Bùi Văn K đã nộp xong.

3. Án phí: Ông Bùi Văn K được miễn án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND Tp Bà Rịa;
- THA DS Tp Bà Rịa;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký tên và đóng dấu)

Cao Xuân Long